

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 46 /NQ-CP

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 2490
	Ngày: 01/4

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

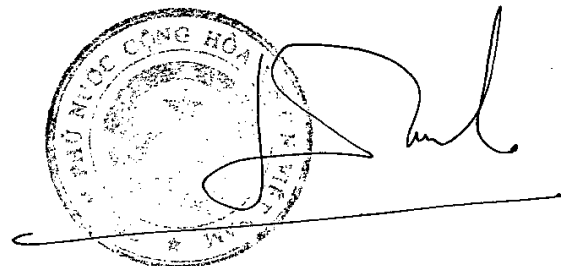
Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Thành viên Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- VPCP, BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ;
- Lưu: VT, KGVX (3b).KN 215

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ
Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2012
của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI
về Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá,
hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng
xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 46 /NQ-CP
ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ)

I. MỤC TIÊU

1. Tổ chức thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 20).

2. Xác định các nhiệm vụ để các Bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết 20 nhằm phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ thực sự là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể và cộng đồng về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế để đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ.

a) Sửa đổi Luật khoa học và công nghệ và xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành để cụ thể hóa các nội dung đổi mới sau:

- Công tác lập kế hoạch, phân bổ ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp với đặc thù của lĩnh vực khoa học và công nghệ và nhu cầu phát triển của quốc gia, ngành, địa phương, theo hướng căn cứ vào kết quả, hiệu quả sử dụng kinh phí khoa học và công nghệ của Bộ, ngành, địa phương.

- Đẩy mạnh thực hiện cơ chế đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ và khoán kinh phí theo kết quả đầu ra; mở rộng áp dụng cơ chế tài chính của quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; triển khai cơ chế đánh giá độc lập, tư vấn, phản biện xã hội trong hoạt động khoa học và công nghệ.

- Khuyến khích tư nhân thành lập hoặc liên kết với Nhà nước thành lập các quỹ đầu tư mạo hiểm hỗ trợ phát triển công nghệ mới, công nghệ cao.

- Thực hiện cơ chế hợp tác công - tư, đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Tăng cường liên kết giữa tổ chức khoa học và công nghệ với doanh nghiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ, đào tạo nhân lực.

- Hoàn thiện hệ thống chức danh, chức vụ khoa học và công nghệ. Cải tiến hệ thống giải thưởng khoa học và công nghệ, danh hiệu vinh dự nhà nước cho cán bộ khoa học và công nghệ.

- Chính sách đãi ngộ, khen thưởng đối với tác giả các công trình được công bố quốc tế, các sáng chế được bảo hộ trong và ngoài nước.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp thành lập tổ chức nghiên cứu và phát triển; khuyến khích thành lập các viện nghiên cứu phát triển có vốn đầu tư nước ngoài và thành lập chi nhánh của các viện nghiên cứu nước ngoài ở Việt Nam.

b) Sửa đổi Luật ngân sách nhà nước và xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành để cụ thể hóa nhiệm vụ “Đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý, phương thức đầu tư và cơ chế tài chính” của Nghị quyết 20 về phân bổ và điều tiết ngân sách nhà nước phù hợp với đặc thù của lĩnh vực khoa học và công nghệ và nhu cầu phát triển của quốc gia, ngành, địa phương, theo hướng căn cứ vào kết quả, hiệu quả sử dụng kinh phí khoa học và công nghệ của Bộ, ngành, địa phương.

c) Sửa đổi Luật chuyển giao công nghệ và xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành để cụ thể hóa các nội dung đổi mới sau:

- Thúc đẩy đổi mới công nghệ theo hướng ứng dụng công nghệ mới, công nghệ hiện đại; chấm dứt và ngăn chặn có hiệu quả việc nhập công nghệ lạc hậu, công nghệ gây nguy hại đến sức khoẻ con người, tài nguyên, môi trường, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

- Nghiên cứu, triển khai cơ chế sử dụng vốn sự nghiệp kinh tế hỗ trợ đổi mới và chuyển giao công nghệ.

d) Sửa đổi Luật năng lượng nguyên tử và xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành để thúc đẩy đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; chuẩn bị cơ sở hạ tầng; bảo đảm an toàn, an ninh; nghiên cứu, ứng dụng và phát triển năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình, phục vụ có hiệu quả các lĩnh vực kinh tế - xã hội và phát triển bền vững đất nước.

đ) Sửa đổi Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành để cụ thể hóa các nội dung đổi mới sau:

- Huy động mạnh mẽ nguồn vốn xã hội và các nguồn vốn nước ngoài đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ.

- Quy định doanh nghiệp nhà nước trích một tỷ lệ tối thiểu thu nhập tính thuế để lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác trích một phần thu nhập tính thuế để lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp hoặc đóng góp cho quỹ phát triển khoa học và công nghệ của địa phương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

- Tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp trong quản lý và sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

e) Sửa đổi Luật sở hữu trí tuệ và ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành để cụ thể hóa cơ chế giao quyền sở hữu các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; xác định cơ chế phân chia lợi ích giữa Nhà nước, cơ quan chủ trì và tác giả.

g) Nghiên cứu, xây dựng chính sách hỗ trợ nhập khẩu công nghệ nguồn, công nghệ cao, mua thiết kế, thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài thuộc các lĩnh vực ưu tiên; cơ chế Nhà nước chủ động mua kết quả khoa học và công nghệ và hỗ trợ doanh nghiệp mua công nghệ từ các viện nghiên cứu, trường đại học trong nước; cơ chế đầu tư đặc biệt để triển khai dự án khoa học và công nghệ quy mô lớn phục vụ quốc phòng, an ninh hoặc có tác động mạnh mẽ tới năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm quốc gia; cơ chế tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức khoa học và công nghệ được vay vốn ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bảo lãnh vốn vay từ các ngân hàng, các quỹ và các tổ chức tín dụng.

h) Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực, sử dụng và trọng dụng cán bộ khoa học và công nghệ:

- Xây dựng Nghị định về chính sách sử dụng và trọng dụng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, trong đó có chính sách trọng dụng đặc biệt đối với cán bộ khoa học và công nghệ đầu ngành, cán bộ khoa học và công nghệ

được giao chủ trì nhiệm vụ quan trọng của quốc gia, cán bộ khoa học và công nghệ trẻ tài năng; đổi mới công tác tuyển dụng, bố trí, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ khoa học và công nghệ; tiếp tục sử dụng chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ khoa học và công nghệ trình độ cao đã hết tuổi lao động.

- Xây dựng Đề án thí điểm cử cán bộ khoa học và công nghệ đi làm việc và thực tập có thời hạn tại các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp ở nước ngoài.

- Tiếp tục chủ động phát hiện và đào tạo, bồi dưỡng tài năng trẻ từ các trường phổ thông, cao đẳng, đại học. Xây dựng Đề án rà soát, quy hoạch và sử dụng có hiệu quả đội ngũ sinh viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh, chuyên gia khoa học và công nghệ học tập và làm việc ở nước ngoài.

- Xây dựng Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ công chức, viên chức ngành khoa học và công nghệ ở Trung ương và địa phương.

3. Triển khai các định hướng, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu

a) Tổ chức thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020, chú trọng vào các định hướng: Quan tâm nghiên cứu cơ bản có trọng điểm, ưu tiên một số lĩnh vực khoa học tự nhiên mà Việt Nam có lợi thế, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển đất nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh và mục đích công cộng; ưu tiên phát triển một số công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ liên ngành; đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học và công nghệ trong các ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương.

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển khoa học cơ bản trong lĩnh vực toán, vật lý, hóa học, khoa học sự sống, khoa học trái đất và khoa học biển; các chương trình khoa học và công nghệ liên ngành giữa khoa học tự nhiên với khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển bền vững.

c) Tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án, chương trình quốc gia, chương trình cấp nhà nước về khoa học và công nghệ. Tập trung thực hiện Chương trình Phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020; Chương trình quốc gia Phát triển Công nghệ cao đến năm 2020; Chương trình Đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020.

d) Chú trọng ứng dụng khoa học và công nghệ để khai thác có hiệu quả các lợi thế và điều kiện đặc thù của từng vùng, nhất là khu vực nông thôn, miền núi; hình thành các sản phẩm chủ lực của mỗi vùng. Triển khai có hiệu quả Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015; Chương trình Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi.

4. Phát huy và tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia

a) Xây dựng Quy hoạch hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ của cả nước phù hợp với các mục tiêu, định hướng nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ trong từng giai đoạn, gắn với thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, trong đó:

- Tập trung đầu tư phát triển Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam hai đại học quốc gia và một số trường đại học trọng điểm, một số viện nghiên cứu đạt trình độ tiên tiến ở châu Á.

- Hình thành và phát triển một số mô hình (viện hoặc trung tâm) nghiên cứu tại các vùng kinh tế trọng điểm để phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, liên kết giữa khoa học và công nghệ với giáo dục và đào tạo, sản xuất, kinh doanh, hình thành và phát triển các sản phẩm chủ lực của mỗi vùng.

- Hình thành các trung tâm nghiên cứu hiện đại trong các lĩnh vực ưu tiên gắn với các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, phòng thí nghiệm chuyên ngành, có liên kết với các tổ chức khoa học và công nghệ tiên tiến nước ngoài. Nghiên cứu xây dựng Đề án hình thành Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc (V-KIST).

- Hình thành các tập thể nghiên cứu mạnh, phát triển các nhóm nghiên cứu trẻ, tiềm năng từ các trường đại học, viện nghiên cứu; thúc đẩy ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

b) Tổ chức thực hiện có hiệu quả Quy hoạch phát triển nhân lực khoa học và công nghệ, gắn kết chặt chẽ với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, vùng, tỉnh, thành phố, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.

c) Tập trung nguồn lực đầu tư và đưa vào hoạt động có hiệu quả ba khu công nghệ cao Hòa Lạc, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng. Xây dựng quy hoạch các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng và địa phương.

d) Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

đ) Nghiên cứu, xây dựng Đề án hình thành Bảo tàng khoa học và công nghệ Việt Nam.

5. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020.

b) Đầu tư xây dựng các sản phẩm công nghệ quốc gia tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng liên thông với hệ thống các trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ của các tỉnh, thành phố, kết nối với các sản phẩm công nghệ khu vực và thế giới. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án nâng cao năng lực của trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

c) Xây dựng văn bản hướng dẫn thành lập tổ chức chuyển giao công nghệ trong các trường đại học, viện nghiên cứu để hỗ trợ bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, xúc tiến thương mại hóa các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ của các trường đại học, viện nghiên cứu.

d) Tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ; xây dựng quy định về đánh giá, định giá tài sản trí tuệ, chuyển nhượng, góp vốn vào doanh nghiệp bằng tài sản trí tuệ.

đ) Tập trung phát triển hạ tầng thông tin và thống kê khoa học và công nghệ quốc gia hiện đại; xây dựng bộ chỉ số thống kê, đo lường kết quả và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ của các ngành và địa phương; phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về công nghệ, chuyên gia công nghệ, sở hữu trí tuệ, kết nối cung - cầu sản phẩm khoa học và công nghệ mới.

e) Xây dựng, thực hiện các giải pháp hỗ trợ phát triển thị trường trong nước, ngăn chặn nhập khẩu các sản phẩm, công nghệ lạc hậu. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án thực thi Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại, chương trình quốc gia nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020.

6. Về hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ

a) Tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án Hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ đến năm 2020. Xây dựng và triển khai Chương trình hợp tác nghiên cứu chung song phương và đa phương về khoa học và công nghệ, Chương trình tìm kiếm, giải mã và chuyển giao công nghệ nước ngoài về Việt Nam trên cơ sở xác định đối tác chiến lược trong hợp tác nghiên cứu chung và địa bàn trọng điểm có công nghệ nguồn cần khai thác, chuyển giao; phát huy hiệu quả hoạt động của mạng lưới đại diện khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài.

b) Xây dựng chính sách thu hút các chuyên gia, nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài, các chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ ở Việt Nam.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Nghị quyết 20, các chiến lược, chính sách, pháp luật về phát triển khoa học và công nghệ.

b) Chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chương trình hành động, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện.

c) Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối và bố trí ngân sách hàng năm cho hoạt động khoa học và công nghệ để triển khai Chương trình hành động.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng phản ánh kịp thời, trung thực đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ bảo đảm nguồn lực và điều kiện cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Chương trình hành động này.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Chỉ đạo việc thực hiện tuyên truyền sâu rộng chính sách, pháp luật về phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ, đặc biệt ở vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, khu công nghiệp, khu chế xuất, vùng kinh tế trọng điểm.

b) Căn cứ vào Chương trình hành động của Chính phủ, xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động của địa phương; định kỳ sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

c) Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ gắn với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và là một nội dung thiết yếu trong quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, địa phương.

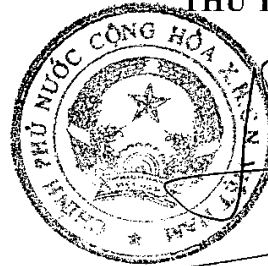
5. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao:

a) Căn cứ vào Chương trình hành động của Chính phủ, xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động của Bộ, ngành; định kỳ sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

b) Xây dựng dự toán chi thực hiện Kế hoạch hành động tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

6. Trong quá trình thực hiện Chương trình hành động này, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Chương trình, các Bộ, ngành, địa phương chủ động phối hợp với Bộ Khoa, học và Công nghệ báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục
CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 20-NQ/TW
NGÀY 01 THÁNG 11 NĂM 2012 CỦA HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA XI
VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA
TRONG ĐIỀU KIỆN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ
(Ban hành kèm theo Chương trình hành động tại Nghị quyết số 46 /NQ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ)

TT	Nội dung công việc	Sản phẩm hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
A. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ					
1	Xây dựng Dự án Luật khoa học và công nghệ (sửa đổi)	Luật	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các Bộ, ngành liên quan	2013
2	Xây dựng Dự án Luật ngân sách nhà nước (sửa đổi)	Luật	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ	2013
3	Xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chuyển giao công nghệ	Luật	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các Bộ, ngành liên quan	2014
4	Xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật năng lượng nguyên tử	Luật	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các Bộ, ngành liên quan	2015
5	Xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	Luật	Bộ Tài chính	Bộ Khoa học và Công nghệ	2013
6	Xây dựng Dự án Luật sở hữu trí tuệ (sửa đổi)	Luật	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông	2015
7	Xây dựng Đề án tiếp tục đổi mới đồng bộ cơ chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các Bộ, ngành liên quan	2013

8	Xây dựng chính sách nhập khẩu công nghệ nguồn, công nghệ cao và chính sách mua kết quả khoa học và công nghệ từ các viện nghiên cứu, trường đại học trong nước	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các Bộ, ngành liên quan	2015
9	Thí điểm áp dụng cơ chế đầu tư đặc biệt để triển khai dự án khoa học và công nghệ quy mô lớn phục vụ quốc phòng, an ninh và phát triển sản phẩm quốc gia	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các Bộ, ngành liên quan	2014
10	Xây dựng chính sách sử dụng và trọng dụng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ	Nghị định	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính	2014
11	Xây dựng quy định hướng dẫn các tổ chức khoa học và công nghệ được vay vốn ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bảo lãnh vốn vay từ các ngân hàng, các quỹ và các tổ chức tín dụng	Thông tư liên tịch	Bộ Tài chính	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ	2013
12	Xây dựng Đề án quy hoạch và sử dụng có hiệu quả đội ngũ sinh viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh, chuyên gia khoa học và công nghệ học tập và làm việc ở nước ngoài	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Ngoại giao, các Bộ ngành liên quan	2014
13	Xây dựng Đề án thí điểm cử cán bộ khoa học và công nghệ đi làm việc và thực tập có thời hạn tại các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp ở nước ngoài	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Ngoại giao	2014
14	Xây dựng chính sách khuyến khích tư nhân thành lập hoặc liên kết với Nhà nước để thành lập các quỹ đầu tư mạo hiểm phát triển công nghệ mới, công nghệ cao	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2015
15	Cơ chế hợp tác công - tư, đồng tài trợ thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2014

B. Triển khai các định hướng, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu và phát huy, tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia					
1	Xây dựng các chương trình phát triển khoa học cơ bản trong lĩnh vực vật lý, hóa học, khoa học sự sống, khoa học trái đất và khoa học biển	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	2013 - 2015
2	Xây dựng Quy hoạch hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các Bộ, ngành liên quan	2014
3	Xây dựng Quy hoạch các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2013
4	Xây dựng Quy hoạch các khu công nghệ thông tin tập trung	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2013
5	Nghiên cứu xây dựng Đề án hình thành Viện Khoa học và Công nghệ tiên tiến (V-KIST)	Nghị quyết của Quốc hội/Ủy ban Thường vụ Quốc hội	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ	2013
6	Nghiên cứu xây dựng Đề án hình thành Bảo tàng khoa học và công nghệ Việt Nam	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	2015
C. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ					
1	Xây dựng Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các Bộ, ngành liên quan	2013

D. Hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ

1	Xây dựng Chương trình hợp tác nghiên cứu chung song phương và đa phương về khoa học và công nghệ	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, các ngành liên quan	2013
2	Xây dựng Chương trình tìm kiếm, giải mã và chuyển giao công nghệ nước ngoài về Việt Nam	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, các ngành liên quan	2013
3	Xây dựng chính sách thu hút các chuyên gia, nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài, các chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ ở Việt Nam	Nghị định	Bộ Ngoại giao	Bộ Nội vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo	2013